

Số: 09/KH-GDNTTr

Thanh An, ngày 29 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2025-2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương VIII khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ chương trình GDPT ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018;
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Căn cứ Chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm đối với lớp 3,4,5 theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2 theo quy định tại công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Căn cứ Chương trình Tin học tự chọn (2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 và Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với học sinh lớp 3,4,5.
- Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;
- Căn cứ Quyết định số: 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Căn cứ Công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026;
- Căn cứ Công văn số 2540/SGDĐT-GDMNTH ngày 24/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn một số nội dung tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông.
- Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Thanh An Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Thanh An;

Trường tiểu học Thanh An xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

- Thanh An là xã thuộc vùng lòng chảo, cách trung tâm tỉnh khoảng 15 km, kinh tế xã hội của địa phương phát triển ổn định và có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao.

- Là xã có địa bàn rộng, trình độ dân trí không đồng đều. Xã thuần nông chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, dịch vụ ngành nghề còn nhỏ lẻ, tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, tuy có giảm nhưng chưa bền vững.

- Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của nhân dân.

- Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

** Thuận lợi:*

- Xã Thanh An đạt chuẩn nông thôn mới tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội là tiền đề cơ bản để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

- Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt luôn có được sự chỉ đạo của Phòng VHXH xã cũng như các cấp đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy. Đảm bảo điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

- Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

** Khó khăn:*

- Năm học 2025-2026 là năm học đầu tiên thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Năm học tiếp tục thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiệm vụ của nhà trường là phải cụ thể hóa mục tiêu giáo dục phổ thông, giúp học sinh biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống và tự học suốt đời, biết xây dựng và phát triển hài hòa các mối quan hệ xã hội, có cá tính, nhân cách và đời sống tâm hồn phong phú, nhờ đó có được cuộc sống có ý nghĩa và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước và nhân loại. Tuy nhiên điều kiện kinh tế, xã hội, trình độ một bộ phận nhân dân, dân trí còn thấp, đời sống nhân dân khó khăn, mức thu nhập thấp; nhận thức của một bộ phận nhỏ nhân dân về công tác giáo dục còn hạn chế, việc quan tâm, đầu tư cho việc học tập của con em điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện các mục tiêu giáo dục của nhà trường.

- Địa bàn dân cư rộng, đời sống của nhân dân đa số còn khó khăn, mặt bằng dân trí không đồng đều, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Toàn trường có 03 HS khuyết tật học hòa nhập và 04 HS mồ côi. Địa bàn trường quản lý có một số bản là điểm nóng về tệ nạn xã hội như: Buôn bán, vận chuyển, sử dụng các chất ma túy, nghiện hút....

- Một số gia đình phụ huynh học sinh chưa quan tâm đến việc học tập của con em mình, nhiều học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do bố mẹ vi phạm pháp luật đi tù, con cái không có nơi nương tựa; Bố mẹ đi làm ăn xa để con sống với ông bà và họ hàng nên việc nuôi dưỡng, chăm sóc không được thường xuyên...

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025-2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025-2026 toàn trường có tổng số 20 lớp với số 483 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách (NĐ/81/2015; TT/42/2013)				HS khuyết tật	Ghi chú
						Tổng	Mồ côi	Hộ nghèo	Cận nghèo		
1	4	84	47	64	37	13		4			Bản KK 9
2	4	85	43	63	30			1	2		
3	4	98	47	76	37	11	0	6	5	2	
4	4	103	54	72	41	9	3	3	3		
5	4	113	54	85	38	14	1	7	6	1	
Tổng	20	483	245	360	183	61	04	21	16	03	

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.
- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định; bình quân học sinh/lớp: 24,2
- Tỷ lệ học sinh nữ: 245/483 em; Đạt: 50.7%

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th. sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	2	1	0	0	02	0	0	0	
GV	31	27	10		31	0	0	0	
NV	5	3			02	0	02	01	
Tổng	38	31			35	0	02	01	

b. Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 02, trong đó: Hiệu trưởng - 1; Phó hiệu trưởng - 01;
- Tổng số giáo viên: 30, trong đó: Giáo viên tiểu học: 22; tiếng Anh: 03; Âm nhạc: 01; Thể dục: 02; Mỹ thuật: 01; Tin học: 01; TPTĐ: 01
- Tổng số nhân viên: 5 người; trong đó: Kế toán: 01; Y tế: 01; Thư viện-Thiết bị: 01; Phục vụ: 01; bảo vệ: 01.

c. Về thuận lợi, khó khăn

**** Thuận lợi***

- Về đội ngũ giáo viên:
 - + Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.
 - + Đội ngũ GV đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định 1,5 GV/lớp; Cơ cấu đủ theo các môn học (Tiếng anh: 3 đ/c; Thể dục: 2 đ/c; Âm nhạc: 1 đ/c; Mỹ thuật: 1 đ/c; Tin học: 1 đ/c; giáo viên làm công tác Đội: 1 đ/c). Đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác;
 - + 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;
 - + Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn và công tác xã hội, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;
 - + Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;
- Về đội ngũ nhân viên:
 - + Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường;
 - + Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;
 - + Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;
- Về cán bộ quản lý:
 - + Trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;
 - + Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng;
 - + Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;

**** Khó khăn***

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên tuổi cao việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa nhanh.

+ Tỷ lệ giáo viên nữ: 27/31 đ/c, chiếm: 87.1%

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

+ Nhân viên phục vụ và nhân viên bảo vệ sử dụng công nghệ thông tin chưa tốt.

- Về cán bộ quản lý:

- Thiếu 01 phó hiệu trưởng

- Sử dụng ngoại ngữ chưa thành thạo.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường.

- Tổng số phòng học: 20 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 11 phòng; điểm trường Noong Ứng: 03 phòng; điểm trường Púng Thanh: 06 phòng).

- Tổng số phòng học bộ môn: 08 phòng, trong đó:

+ Trung tâm có 06 phòng, gồm: 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng Mỹ thuật; 01 phòng Âm nhạc, 01 Phòng khoa học và công nghệ, 01 phòng đa chức năng. Púng Thanh 01 phòng tin học. Noong Ứng 01 phòng tin học.

- Tổng số phòng chức năng: 09 phòng, trong đó: Phòng hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 01; Văn phòng: 01; phòng họp: 01, Y tế: 01, Thư viện: 01; Thiết bị: 01. Nhà Đa năng: 01; 01 phòng truyền thống.

- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.

+ Tổng số máy chiếu: 13 chiếc; 04 màn hình thông minh. Ti vi 03 (lắp cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn, nhà đa năng; 01 máy di động).

+ Máy chiếu vật thể: 06 chiếc

+ Tủ âm loa, đài: 02 bộ

+ Loa kéo: 04 chiếc

- Trung tâm và điểm trường đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Nhà bếp: 01.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- Triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến toàn thể cán, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh đặc biệt là phụ huynh có con học lớp 5 năm học 2025-2026. Tham mưu với chính quyền địa phương triển khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân.

- 100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Thực hiện Chương trình Tiếng Anh hệ 10 năm đối với lớp 3, 4, 5 theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ GD&ĐT. Tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn đối với lớp 1, 2 theo quy định tại công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Thực hiện Chương trình Tin học tự chọn (2 tiết/tuần) ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 và Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT đối với học sinh lớp 3, 4, 5.

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập:

- + Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập.

- + Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo quy định.

- Tăng cường Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số: Thực hiện Đề án “Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”. Theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 182/KH-BGDĐT ngày 02/3/2021 về việc tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Công văn số 1949/BGDĐT-GDTH ngày 13/5/2021 về việc Triển khai các hoạt động và giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Các hình thức tổ chức dạy học trong năm học:

- + Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

- Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gần gũi với học sinh.

- Thực hiện nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 01/2017/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Về sinh môi trường, tích hợp về biến đổi khí hậu, giáo dục Biển đảo Việt Nam và các nội dung giáo dục qua các bài trong các môn học: Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức.

+ Đối với môn học tự chọn: Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương năm học 2025-2026 môn học tự chọn đối với học sinh lớp 1, 2: Ngoại ngữ 1; Tin học đối với học sinh lớp 3, 4, 5.

+ Đối với hoạt động củng cố, tăng cường: Tập trung tăng cường cho học sinh một số môn học như Toán, Tiếng Việt và phát triển văn hóa đọc ... Tạo cơ hội cho học sinh lớp 1, 2 được tiếp cận giáo dục Tin học. Đảm bảo đủ 7 tiết/ngày (32 tiết/ tuần đối với lớp 1, 2 và 33 tiết/tuần đối với lớp 3, 4, 5).

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên trong đơn vị được tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông qua nhiều hình thức như học trực tuyến qua mạng, qua tự nghiên cứu tài liệu và các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức và tập huấn tại đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cho cả năm học, cán bộ quản lý giáo viên nghiên cứu kỹ tài liệu sách giáo khoa, phân tích mạch kiến thức phù hợp với từng vùng miền, địa phương để xây dựng kế hoạch dạy học theo môn học như: các tiết học trải nghiệm theo từng môn học, các tiết dạy học theo chủ đề, các tiết ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, hoạt động của các Câu lạc bộ, Giáo dục địa phương Việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chi tiết cụ thể theo tuần, tháng và cả năm học.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường giáo dục đạo đức, kĩ năng sống cho học sinh. Củng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- Thực hiện chương trình giáo dục: Thực hiện đúng kế hoạch, chương trình dạy học, tiếp tục chỉ đạo việc quản lý, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lí học sinh tiểu học; tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học

và hoạt động giáo dục, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Tiếp tục đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, đẩy mạnh các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy, phương pháp “Bàn tay nặn bột”...

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tích cực đổi mới công tác quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ, đề cao trách nhiệm của một nhà giáo, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý, thực hiện hồ sơ điện tử, thống kê số liệu, báo cáo. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ gắn với các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 483/483 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp	Khối 1			Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
Tổng số học sinh	84			85		98		103		113		483	
<i>HS Khuyết tật</i>	0			0		02		0					
HS được đánh giá	84			85		98		103		113		483	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
Tiếng Việt	HTT	49	58,3	56	65,9	65	66,3	69	67,0	76	67,3	315	65,2
	HT	35	41,7	29	34,1	33	33,7	34	33,0	37	32,7	168	34,8
	CHT					0	0	0		0	0		
Toán	HTT	53	63,1	58	68,2	65	66,3	69	67,0	77	68,1	322	66,8
	HT	31	36,9	27	31,8	33	33,7	34	33,0	36	31,9	161	33,2
	CHT					0	0			0	0		
Đạo đức	HTT	55	65,5	59	69,4	74	75,5	75	72,8	81	71,7	344	71,2
	HT	29	34,5	26	30,6	24	24,5	28	27,2	32	28,3	139	29,8
	CHT					0	0			0	0		
TN&XH (Khoa)	HTT	55	65,5	59	69,4	70	71,4	71	68,9	78	69,0	333	68,9
	HT	29	34,5	26	30,6	28	28,6	32	31,1	35	31,0	1150	31,1

[illegible]

b) Những phẩm chất chủ yếu:

Khối lớp	Khối 1				Khối 2				Khối 3				Khối 4				Khối 5													
Tổng số HS	84				88				98				100				112													
<i>HS Khuyết tật</i>	01				0				02				0				0													
<i>HS được đánh giá</i>	84				85				98				103				113													
Phẩm chất	Mức đạt được																													
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG							
	SL	%	S L	%	SL	%	SL	%	SL	%	S L	%	SL	%	S L	%	SL	%	SL	%	S L	%	SL	%	S L	%				
1. Yêu nước	84	100					85	100					98	100	0	0	0	0	103	100					113	100	0	0		
2. Nhân ái	76	90,5	8	9,5			85	100					98	100	0	0	0	0	103	100					113	100	0	0		
3. Chăm chỉ	58	69	26	31			59	69,4	26	30,6			73	74,5	25	25,5	0	0	71	68,9	32	31,1			81	71.7	32	28.3		
4. Trung thực	73	86,9	11	13,1			66	77,6	19	22,4			74	75,5	24	24,5	0	0	82	80	21	20			82	72.6	31	27.4		
5. Trách nhiệm	67	79,8	17	20,2			61	71,7	24	28,3			70	71,4	28	28,6	0	0	76	73,8	27	26,2			82	72.6	31	27.4		

c) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp	Khối 1				Khối 2				Khối 3				Khối 4				Khối 5			
Tổng số HS	84				85				98				103				112			
<i>HS Khuyết tật</i>	0				0				02				0				0			
HS được đánh giá	84				85				98				103				113			

Năng lực	Mức đạt được																														
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		
	SL	%	S	%	SL	%	SL	%	SL	%	S	%	SL	%	S	%	SL	%	SL	%	S	%	SL	%	SL	%	SL	%	S	%	
- Năng lực chung																															
1. Tự chủ và tự học	54	64,3	30	35,7			57	67,1	28	32,9			66	67,3	32	32,7			67	65	36	35			81	71.7	32	28.3			
2. G. tiếp và hợp tác	58	69	26	31			55	64,7	30	35,3			62	63,3	36	36,7			71	68,9	32	31,1			82	72.6	31	27.4			
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	49	58,3	35	41,7			54	63,5	31	36,5			65	66,3	33	33,7			68	66	35	34			80	70.8	33	29.2			
- Năng lực đặc thù																															
1. N. ngữ	50	59,5	34	40,5			57	67,1	28	32,9			65	66,3	33	33,7			69	67	34	33			77	68.1	36	31.9			
2. T. toán	54	64,3	30	35,7			58	68,2	27	31,8			65	66,3	33	33,7			69	67	34	33			78	69,0	35	31,0			
3. K. học	54	64,3	30	35,7			59	69,4	26	30,6			70	71,4	28	28,6			71	68,9	32	31,1			78	69,0	35	31,0			
4. C. nghệ													66	67,3	32	32,7			72	70	31	30			80	70.8	33	29.2			
5. Tin học													66	67,3	32	32,7			70	68	33	32			79	69.9	34	30.1			
6. T. mỹ	58	69	26	31			61	71,7	24	28,3			74	75,5	24	24,5			74	71,8	29	28,2			81	71.7	32	28.3			
7. T.chất	58	69	26	31			64	75,3	21	24,7			75	76,5	23	23,5			76	73,8	27	26,2			82	72.6	31	27.4			

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	
1	84	21	25	29	34,5	34	40,5	0	0	
2	85	24	28,2	31	36,5	30	35,3			
3	98	28	28,6	35	35,7	35	35,7	0	0	
4	103	29	28,2	39	37,8	35	34	0	0	
5	113	31	27,4	44	39,0	38	33,6	0	0	
Tổng	483	133	27.5	178	36.9	172	35.6			

- Hoàn thành chương trình lớp học: 370/370, tỷ lệ 100% (gồm 02 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 113/113, tỷ lệ 100% (gồm 01 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

e) Các hoạt động khác:

- 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh, học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2,3,4,5 hàng tuần thứ 6 mặc trang phục dân tộc).

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.

- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách, thăm quan các di tích lịch sử: 2lần/năm học.

g) Khen thưởng cuối năm học:

(03 học sinh khuyết tật)

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được KT		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		Có thành tích vượt trội/HS tiêu biểu HTT	
		<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>
1	84	50	59,5	21	25,0	29	34,5
2	85	55	64,7	24	28,2	31	36,5
3	98	60	61,2	28	28,6	32	32,7

4	103	68	66.0	29	28,2	39	37,9
5	113	61	54,9	31	27,4	30	26,5
Tổng	483	294	60.9	133	27.5	161	33.3

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

T T	Hoạt động giáo dục		Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
			Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																	
1	Tiếng Việt		420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán		105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
4	TN&XH		70	36	34	70	36	34	70	36	34						
5	Khoa học											70	36	34	70	36	34
6	LS&ĐL											70	36	34	70	36	34
7	Nghệ thuật	- Âm nhạc	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		- Mỹ thuật	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		- Công nghệ							35	18	17						
8	Tin học và CN /KT											35	18	17	35	18	17
9	GDTC (Thể dục)		70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Ngoại ngữ 1(TA)								140	72	68	140	72	68	140	72	68
11	Hoạt động trải	-Chào cờ	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		-HĐCD/NGLL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

	nghiệm (105)	-SHL	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
II. Môn học tự chọn																	
1	Tiếng dân tộc thiểu số																
2	Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2)	70	36	34	70	36	34										
3	Tin học (lớp 3,4,5)							35	18	17	35	18	17	35	18	17	
III. Hoạt động củng cố, tăng cường																	
1	Tăng cường Toán	0	0	0	35	18	17	35	18	17							
2	Tăng cường Tiếng Việt	80	80	0	70	18	17	35	18	17							
3	Độc thư viện	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	
4	Giáo dục địa phương	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	
TỔNG																	
Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)		1.012	560	452	967	498	469	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537	
Số tiết trung bình/tuần (Không kể các môn học tự chọn)		25			25			28			30			30			
Số tiết tự chọn/tuần		2			2			2			2			2			
Số tiết củng cố, tăng cường/tuần		5			5			3			1			1			
Số tiết/tuần		32			32			32			33			33			
Số buổi dạy/ tuần		9			9			9			9			9			
Tổng số tiết/ năm học		1.120			1.120			1.120			1.155			1.155			

* Ghi chú: - Tiếng anh lớp 3,4,5 nhà trường trong Đề án tiếng Anh hệ 10 năm (môn học bắt buộc).

(Trường không trong đề án thực hiện 2 tiết/tuần thì đưa Tiếng Anh vào môn tự chọn)

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng thứ sáu ngày 5/9/2025	BGH; TPTĐ GVCN, HS	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên, NV.
Tháng 10	HĐTN	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường – Lớp	Chiều thứ 2 ngày 06/10/2025 (15/8 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
	Truyền thống nhà trường	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ Hai ngày 13/10/2025 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
	HĐTN	Giao lưu văn nghệ; vẽ tranh; làm thiệp chúc mừng mẹ và cô nhân ngày 20/10	Tập trung toàn trường; theo khối lớp	Chiều thứ ba ngày 18/10/2025	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Kỉ niệm ngày 20/11; Hội diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường	Thứ năm ngày 20/11/2025	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. - Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN. - Tham quan bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ.	Toàn trường HS có thành tích trong học tập	Sáng thứ hai ngày 22/12/2025 (60 phút)	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
Tháng	HĐTN	- Tổ chức Chợ xuân	Tập trung toàn	Thứ sáu ngày	BGH; TPTĐ	- Ban ĐDCMHS

1+2		- Trao quà tết cho HS có HCKK	trường	06/02/2026 (19/12 Âm lịch)	GV,NV toàn trường.	- Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...
Tháng 3	HĐTN	- Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	Tập trung toàn trường	Chiều thứ sáu ngày 06/3/2026 (60 phút)	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	HĐTN	Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc	Học sinh khối 5	Sáng thứ Sáu ngày 24/4/2026 (60 phút)	PHT; TPTĐ	GVCV, GVBM
Tháng 5	HĐTN	- Tham quan di tích lịch sử Điện Biên Phủ; Viếng Nghĩa trang Liệt sĩ A1.	HS tiêu biểu	Thứ năm ngày 7/5/2026	CBGVNV, HS khối lớp 5	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/ tháng (Từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ).	Tại trường	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường;	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Cuối buổi học thứ hai trong ngày (Từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ).	Tại sân trường	
3	HĐTN, RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí ...	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Cuối buổi học thứ hai trong ngày (Từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ).	Tại trường	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày:**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ - 7 giờ 25 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 05 phút	20 phút	Ra chơi
9 giờ 05 phút - 9 giờ 40 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 45 phút - 10 giờ 20 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 25 phút - 10 giờ 55 phút	30 phút	Tiết 5 (Thứ Sáu: khối 3, 4, 5)
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 15 phút - 15 giờ 30 phút	15 phút	Ra chơi
15 giờ 30 phút - 16 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 10 phút đến 16 giờ 30 phút	20 phút	- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; CLB; ...

* Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút, 05 phút dành cho thời gian chuyển giữa các tiết học.

*** Đối với các điểm trường lẻ:**

- Kế hoạch giáo dục đối với điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục Mầm non, Giáo dục phổ thông, Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Thực hiện Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND xã Thanh An Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục Mầm non, Giáo dục phổ thông, Giáo dục thường xuyên trên địa bàn xã Thanh An cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: Thứ năm, ngày 29/8/2025, riêng khối 1 tựu trường ngày 22/8/2025.

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

Học kỳ I: Bắt đầu từ ngày 08/9/2025 kết thúc ngày 16/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Bắt đầu từ ngày 19/01/2026 đến trước ngày 22/5/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày kết thúc năm học: ngày 31/5/2026

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Tại trường Tiểu học Thanh An thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo QĐ 16	Tăng thêm	Theo QĐ 16	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12		10	1	7	1	7		7		
2	Toán	3		5	1	5		5		5		
3	Tiếng Anh		2		2	4		4		4		
4	Đạo đức	1		1		1		1		1		
6	TN&XH	2		2		2						
7	LS&ĐL							2		2		
8	Khoa học							2		2		
9	Tin học và Công nghệ					2		2		2		
10	Giáo dục thể chất	2		2		2		2		2		

11	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật)	2		2		2		2		2		
12	Hoạt động trải nghiệm	3		3		3		0		0		
13	Kỹ thuật (Lớp 4,5)							1		1		
14	HD Giáo dục lớp 4,5							2		2		
15	Tăng cường tiếng việt	3		1		1						
16	Đọc sách tại thư viện	1		1		1		1		1		
17	GDDP		1		1		1		1		1	
Tổng		29	3	27	5	30	2	32	1	32	1	
Tổng chung/tuần		32 tiết		32 tiết		32 tiết		33 tiết		33 tiết		

(Đối với trường thực hiện dạy tiếng Anh 2 tiết/tuần thì chuyển môn tiếng Anh vào cột tăng thêm)

*** Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần (*Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo*).

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

- Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

V. Giải pháp thực hiện

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện, trang thiết bị cho thư viện.

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, nhân cách, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Tiếp tục tham mưu tăng cường CSVC sửa chữa và xây mới phòng lớp học và các phòng chức năng.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực chuyên môn kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Cử GV, NV, CBQL tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng

cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa các đơn vị trường trong và ngoài huyện;

- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018...

- Xây dựng kế hoạch tổ chức hiệu quả các chuyên đề chuyên sâu để bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.

- Thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tuần để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

- Tổ chức cho giáo viên tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện SHCM cấp trường, cụm trường, cấp xã theo hướng nghiên cứu bài học và chuyên đề. Tổ chức hội thảo giải đáp những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy, giáo dục;

- Soạn thảo các văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu CTGDPT 2018;

4. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm, Giáo dục kỹ năng sống. Lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước)...

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan các khu di tích lịch sử, đài tưởng niệm, viếng nghĩa trang liệt sĩ...

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Áo lụa tặng Bà”,...

6. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày. Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hoạt động ngoại khoá; tăng cường kiến thức kỹ năng thông qua các môn học, giáo dục kỹ năng sống thông qua hoạt động các câu lạc bộ, phát triển năng lực thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm...

7. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật

- Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học.

- Dựa vào khả năng nhu cầu của mỗi trẻ khuyết tật đã xác định trong sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục chung.

- Trên cơ sở đó giáo viên điều chỉnh nội dung, chương trình các môn học và phương pháp giáo dục giáo dục một cách phù hợp với từng đối tượng người học.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân người học không thể đáp ứng được như môn Tiếng Anh, Thể dục, Tin học, Âm nhạc...

- Giáo viên trong giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật phải tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương trẻ khuyết tật, tăng cường tìm hiểu cách giáo dục trẻ khuyết tật. Thường xuyên theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Chủ động phối hợp với tổ, giáo viên dạy chuyên trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật.

8. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục. Thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh lớp 1, 2, 3.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp, thư viện xanh, thư viện lưu động và tiết học tại thư viện nhà trường.

9. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: ca hát, múa, vẽ, thể thao, bơi...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

10. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số vào công tác dạy học và quản lý

- Phân đầu 100% cán bộ giáo viên, nhân viên và HS tích cực tham gia thực hiện hiệu quả Đề án 06 về chuyển đổi số của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch tăng cường UDCNTT đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2022-2025. Đầu tư CSVC, thiết bị dạy học, tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên.

- 100% CBGV,NV sử dụng hệ thống "Trường học kết nối" khai thác sử dụng "Hành trang số" "OLM", ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên trong quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng. Xây dựng kho dữ liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, các sự kiện trong hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tăng cường UDCNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học, hoạt động giáo dục, công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học.

- Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website wwwdienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng VHXX (xathanhan.edu.vn; <http://hscvthanhan.dienbien.gov.vn>) trong khu vực và phạm vi cả nước.

- Thực hiện quyết định số hóa tất cả các loại văn bản, hồ sơ, sổ sách, thực hiện ký số; quản lý văn bản, kế hoạch, hồ sơ trên môi trường số.

- Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy thông qua môn Tin học và tích hợp qua các môn học.

- Tiếp tục thực hiện cập nhật học bạ điện tử tất cả các khối lớp cho HS.

- 100% HS hoàn thành làm thẻ căn cước công dân.

- 100% CBGV,NV, học sinh, phụ huynh học sinh thực hiện, quyên góp, vận động tài trợ, chi trả chế độ cho HS không dùng tiền mặt.

b, Giải pháp

- Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo thực hiện Đề án 06 đến tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và phụ huynh học sinh.

- Làm tốt công tác tuyên truyền đến đội ngũ CBGV,NV và phụ huynh học sinh trong công tác chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn CBGV triển khai hiệu quả sử dụng các phần mềm, thực hiện đúng quy trình nhập liệu học bạ số.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy của đội ngũ CBGV,NV.

- Tổ chức tập huấn hướng dẫn khung năng lực số cho CBGV, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá định kỳ.

- Phối hợp với công an xã rà soát, yêu cầu HS hoàn thành việc làm thẻ CCCD.

- Phối hợp với ngân hàng để mở tài khoản cho phụ huynh học sinh để thực hiện việc thu nộp và chi trả chế độ cho HS không dùng tiền mặt.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

- Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã và Phòng VHXXH, về hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch tổ chức dạy học các môn tự chọn...

- Tham mưu với Đảng Ủy, HĐND, UBND và Phòng VHXXH về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động trải nghiệm. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kì; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

2.1. Phó hiệu trưởng

- Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện thiết bị, quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục liên quan đến công tác phổ cập, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Duyệt các kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch hoạt động giáo dục.

- Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVN của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

- Thành lập Ban chỉ huy liên Đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động Đội và Sao nhi đồng

- Phối kết hợp với ban chuyên môn trường, các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên Đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;

- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;

- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;

- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;

- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.

- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên TV+TB

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;

- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;

- Tuyên truyền đề CBGV, NV và học sinh tích cực đọc sách;

- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...

- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường. Truyền thông về chăm sóc sức khỏe cho HS.

- Xây dựng kế hoạch, tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh dịch theo mùa.

- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và học sinh.

- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khoẻ HS, lập sổ sức khoẻ, phiếu khám sức khoẻ định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDT, Bộ Y tế.

- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế.

- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.4. Nhân viên phục vụ

- Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, hành lang, cầu thang, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của GV và HS, đảm bảo dọn vệ sinh sạch sẽ toàn bộ khuôn viên nhà trường).

- Đảm bảo nước uống, vệ sinh an toàn, đầy đủ cho cán bộ, giáo viên.

- Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.

- Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.

- Phối hợp tốt với bảo vệ và các GVCN để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.5. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.

- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Thanh An./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT huyện (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Chiến